**Phụ lục I**

**YÊU CẦU CỤ THỂ VỀ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BNNPTNT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

| **STT** | **Tên báo cáo** | **Nội dung báo cáo** | **Đối tượng thực hiện báo cáo** | **Cơ quan nhận báo cáo** | **Tần suất thực hiện** | **Mẫu đề cương/Biểu số liệu báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Báo cáo kết quả cập nhật diễn biến rừng | Báo cáo kết quả thực hiện cập nhật diễn biến rừng hàng năm | UBND các tỉnh | Tổng cục Lâm nghiệp | Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này |
|  | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp | Về thực hiện kế hoạch lâm nghiệp áp dụng với các Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tổng cục Lâm nghiệp | Hàng tháng | Thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Thông tư này |
|  | Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi | Báo cáo tình hình quản lý khai thác hồ chứa; tình hình thực hiện các quy định về quản lý an toàn đập và kết quả kiểm tra hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tổng cục Thủy lợi | Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục IV kèm theo Thông tư này |
|  | Báo cáo thực hiện Quỹ Phòng, chống thiên tai | Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và quản lý Quỹ phòng chống thiên tai ở địa phương, thu, chi Quỹ | Cơ quan quản lý Quỹ, UBND tỉnh | Tổng cục PCTT | Hàng tháng, quý, năm | Thực hiện theo Phụ lục V kèm theo Thông tư này |
|  | Báo cáo dịch bệnh thủy sản | Báo cáo định kỳ dịch bệnh động vật thủy sản | Chi cục Thú y/ Thủy sản | Cục Thú y | Tháng, 6 tháng, năm | Thực hiện theo Phụ lục VI kèm theo Thông tư này |
|  | Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định 118/2014/NĐ-CP | Kết quả sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp | Tập đoàn, Tổng công ty | Tổng cục Lâm nghiệp | Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục VII kèm theo Thông tư này |
|  | Báo cáo kết quả công tác lâm nghiệp | Kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp; kết quả thực hiện Nghị định 118 và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tổng cục Lâm nghiệp | Hàng năm | Thực hiện theo Đề cương báo cáo tại Phụ lục VIII của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; |
|  | Báo cáo hoạt động khai thác và nuôi, trồng thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục CITES; nuôi động vật rừng thông thường | Về hoạt động nuôi, trồng thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES và động vật rừng thông thường | Chi Cục Kiểm lâm tỉnh | Tổng cục Lâm nghiệp  (Cơ quan CITES Việt Nam) | Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục18 của Nghị định 06/2019/NĐ-CP |
|  | Báo cáo tình hình khai thác thủy sản, công tác xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản | Tổng hợp tình hình khai thác thủy sản từ nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản, công tác xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tổng cục Thủy sản | Hàng tháng | Thực hiện theo Mẫu số 01, Phụ lục VII của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT |
|  | Báo cáo tình hình đăng ký tàu cá | Tình hình đăng ký tàu cá của địa phương | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tổng cục Thủy sản | Tháng, quý, năm | Thực hiện theo Mẫu số 01.BC Phụ lục X của Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT |
|  | Báo cáo tình hình sinh vật gây hại | Báo cáo định kỳ tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng | Sở Nông nghiệp và PTNT | Cục BVTV | Tuần; tháng; năm | Thực hiện theo biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục 3 QCVN 01-38:2010/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT |
|  | Báo cáo tình hình dịch bệnh động vật | Báo cáo định kỳ dịch bệnh động vật | Chi cục Thú y/Chăn nuôi | Cục Thú y, | Hàng tháng, quý, 6 tháng, năm | Thực hiện theo biểu mẫu quy định tại mục 2 Phụ lục 03 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 |
|  | Báo cáo kết quả hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tại Việt Nam | Kết quả hoạt động, đánh giá và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. | Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững | Tổng cục Lâm nghiệp | Hàng năm | Thực hiện theo Mẫu số 07, 08, 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP |
|  | Báo cáo tổng hợp kết quả chứng nhận hợp quy giống cây trồng | Tổng hợp kết quả chứng nhận hợp qui | Tổ chức chứng nhận hợp quy giống cây trồng được chỉ định | Cục Trồng trọt | Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục IV Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 |
|  | Báo cáo tình hình sản xuất, xuất nhập khẩu phân bón | Tình hình sản xuất, xuất nhập khẩu phân bón | Tổ chức sản xuất phân bón | Cục Bảo vệ thực vật | Hàng năm | Thực hiện theo Mẫu số 30 tại Phụ lục I của Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 |
|  | Báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức khảo nghiệm phân bón | Kết quả hoạt động của tổ chức khảo nghiệm phân bón | Tổ chức khảo nghiệm phân bón | Cục Bảo vệ thực vật | Hàng năm | Thực hiện theo Mẫu số 11 Phụ lục I của Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2018 |
|  | Báo cáo kết quả hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật | Kết quả hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật của tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc Bảo vệ thực vật. | Tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm thuốc BVTV | Cục Bảo vệ thực vật | Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục XII của Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT |
|  | Báo cáo về tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu | Về tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu | Tổ chức, đánh giá sự phù hợp thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu được ủy quyền | Cục Bảo vệ thực vật | Sáu tháng; Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục XXVII của Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 |
|  | Báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật | Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật | Tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật | Cục Bảo vệ thực vật | 6 tháng; Hàng năm | Thực hiện theo Phụ lục XXIII của Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 |